TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2018/QĐST-HNGĐ	*Hàm Thuận Bắc, ngày 21 tháng 5 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **68**/2018/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa :

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1969.

Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **11** tháng **5** năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **11** tháng **5** năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị T được quyền tiếp tục nuôi con tên Nguyễn Trần Cát V – sinh ngày 29/6/2006. Anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000đồng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi người được cấp dưỡng đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Đối với 02 cháu Nguyễn Văn T – sinh ngày 09/6/1994 và Nguyễn Văn N – sinh ngày 14/11/1996 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh S, chị T thống nhất ý kiến không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Nguyễn Văn S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn S tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn S đã nộp tạm ứng án phí đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0014986 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc nên không phải nộp nữa.

Chị Trần Thị T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện H;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Tâm